

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc
quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP 09**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 1508/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Thông qua quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính

trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và dự án sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức).

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị vũ trang nhân dân thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý sử dụng tài sản công gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý tài sản theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

4. Văn phòng cấp ủy cấp huyện là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

5. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công như: đơn vị tương đương cấp sở, các đơn vị, tổ chức trực thuộc các sở, ngành và các đơn vị khác thuộc cấp huyện, doanh nghiệp có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải các loại;

c) Các tài sản công khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản công có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng, đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi: nhà đất thuộc trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ các loại tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, phương tiện vận tải các loại, các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ngành; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công là các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản giữa các sở, ngành; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gồm: Trụ sở làm việc, tài sản công khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô và phương tiện vận tải các loại, tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh quyết định bán các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với các tài sản công của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bị mất, bị hủy hoại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại không thuộc

phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bị mất, bị hủy hoại dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

Chương III

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và các công trình xây dựng gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất được giao hoặc thuê), xe ô tô và phương tiện vận tải các loại từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

b) Tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng sở, ban ngành cấp tỉnh, quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc sở ban ngành cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp huyện quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua sắm.

Điều 12. Thẩm quyền thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp

1. Thuê tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban ngành cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện.

2. Thuê tài sản khác (không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp) từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác để phục vụ hoạt động.

Điều 13. Thẩm quyền thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 15. Thẩm quyền bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải các loại).

Điều 16. Thẩm quyền thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này.

Điều 18. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này.

Chương IV

PHÂN CẤP VỀ MUA SẴM VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI-NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Việc mua sắm, xử lý tài sản tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo nội dung phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công tại Chương II Nghị quyết này; đối với mua sắm, xử lý tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị quyết này.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Tài sản là trụ sở làm việc, công trình xây dựng gắn liền với đất và tài sản khác do nhà nước giao tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội quản lý, sử dụng thực hiện nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại Chương II Nghị quyết này; Việc quản lý, xử lý tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định Chương III Nghị quyết này.

Chương V

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, khi cần có sự thay đổi về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa VII, kỳ họp thứ 19 về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Tây Ninh;
- Lưu: VT, VP HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tâm